

# ĐẶC TRUNG CỦA NGHỀ LUẬT VÀ ĐẠO ĐỨC CỦA NGƯỜI HÀNH NGHỀ LUẬT

Phan Hữu Thư\*

**N**ghề luật là một nghề tương đối đặc thù, bên cạnh các nghề đặc thù khác như nghề y, các ngành, nghề nghệ thuật, thể thao... Những người hành nghề luật có thể kể như thẩm phán, luật sư, công chứng viên, chấp hành viên, kiểm sát viên, điều tra viên, thư ký tòa án, công an... Do đó, khi nói đến nghề luật là nói đến một lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp khá rộng lớn. Bên cạnh đó còn có những nghề có liên quan đến nghề luật hoặc những người liên quan đến nghề luật. Trong bài viết này tác giả muốn bàn về nghề luật với những đặc trưng của nó và đạo đức của người hành nghề luật. Đây chỉ mới là những nghiên cứu bước đầu về vấn đề này, xin bạn đọc cùng tham gia trao đổi để góp phần từng bước khẳng định nghề luật là một nghề với những thách thức và quang vinh, trên cơ sở đó khẳng định vị trí đích thực của những người hành nghề luật trong xã hội, giúp xã hội hiểu đúng họ, tôn trọng nghề nghiệp của họ để giúp họ trong nghề nghiệp và tôn vinh họ như là những người góp phần quan trọng vào công cuộc cải cách tư pháp ở nước ta.

## 1. NGHỀ LUẬT VÀ ĐẶC TRUNG CỦA NGHỀ LUẬT

### 1.1 Quan niệm về nghề và nghề luật

Hiện nay trong xã hội tồn tại và phát triển nhiều ngành nghề khác nhau. Mỗi nghề đều có vinh dự và trách nhiệm của mình. Nghề được xem là *công việc chuyên làm theo sự phân công lao động của xã hội*<sup>1</sup> hoặc

một công việc mà mình chuyên sâu, thành thạo. Như vậy, khái niệm nghề nói chung được hiểu *trước hết* là một công việc mà người đó đã được đào tạo một cách chính thức thông qua trường lớp hoặc được tự đào tạo thông qua các hoạt động tự thân trong xã hội, thông qua bạn bè hoặc những nguồn khác nhau. *Đặc điểm thứ hai* của nghề được hiểu là người đó phải hành nghề, có nghĩa là người đã được đào tạo phải vận dụng, có cơ hội vận dụng những hiểu biết của mình về một lĩnh vực nhất định để hoạt động nghề nghiệp. Hoạt động nghề nghiệp ở đây được hiểu là hành vi tạo ra sản phẩm xã hội một cách trực tiếp hoặc gián tiếp. *Đặc điểm thứ ba* của nghề là người được đào tạo kiến thức trong một lĩnh vực xã hội nhất định, hành nghề theo sự hiểu biết của mình để đáp ứng nhu cầu bản thân và xã hội. Có nghĩa là họ hành nghề theo sự phân công lao động của xã hội. Sự phân công này được hiểu theo nghĩa rộng, có nghĩa là được Nhà nước hoặc xã hội phân công và chịu sự chỉ đạo, quản lý của Nhà nước và xã hội theo chế độ chung. Các đối tượng này thông thường là cán bộ công chức nhà nước hoặc những người hành nghề theo hợp đồng lao động. Ngoài ra sự phân công lao động còn được hiểu là sự hành nghề tự do theo nhu cầu cá nhân và xã hội. Những người này có thể không phải là cán bộ công chức nhà nước hoặc không bị ràng buộc bởi một hợp đồng lao động nào nhưng cũng có thể hành nghề trong khuôn khổ các quy định của tổ chức hoặc đoàn thể. Thực tiễn cho thấy một người có thể hành nhiều nghề và trong số đó có thể có nghề chính

\*Tiến sỹ Luật học, Giám đốc Học viện Tư pháp

<sup>1</sup> Từ điển Tiếng Việt, NXB Đà Nẵng, 1996, tr.654



hoặc nghề phụ. Một người không nhất thiết phải sống bằng nghề chính của mình. Để tồn tại người ta phải hành thêm các nghề phụ. Tuy nhiên, xã hội càng phát triển thì nhu cầu về chuyên môn hoá lao động càng cao và vì vậy thu nhập đối với nghề được chuyên môn hoá cũng ngày càng được nâng cao, do đó một người hành nghề phải sống được bằng chính nghề đó. Đó chính là đặc điểm thứ tư của nghề.

Ở nhiều nước trên thế giới, khái niệm nghề luật nói chung và những nghề cụ thể để xây dựng, thực thi và áp dụng pháp luật được hình thành từ rất sớm. Người Pháp không ngại ngần khi nói thẩm phán là một nghề: *métier des magistrats*. Thẩm phán ở đây được hiểu là bao gồm cả thẩm phán xét xử, thẩm phán công tố và thẩm phán điều tra, thẩm phán áp dụng hình phạt, thẩm phán về các vụ việc hôn nhân gia đình, thẩm phán về các vụ việc trẻ em... Luật sư cũng là một nghề được coi trọng tại các nước phương Tây. Thực tế thì trong những xã hội có sự phân công lao động cao, những nghề như luật sư, bác sỹ, nhà văn nhà báo, thẩm phán... được thừa nhận, được tôn trọng và đánh giá cao.

Ở nước ta, nghề luật cũng được coi trọng. Ngay sau khi Nhà nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà ra đời, nhiều văn bản liên quan đến nghề và hành nghề luật đã được ban hành. Các văn bản được ban hành từ sau năm 1945 có thể kể đến là: Sắc lệnh 13/SL ngày 24-01-1946 tổ chức các Tòa án và các ngạch Thẩm phán, Sắc lệnh 51/SL ngày 17-4-1946 quy định thẩm quyền của các Tòa án, Sắc lệnh 112/SL ngày 28-6-1946 bổ sung Sắc lệnh 51/SL, Sắc lệnh 130/SL ngày 19-7-1946 quy định thể thức thi hành án, Sắc lệnh 85 ngày 22-5-1950 cải cách bộ máy tư pháp và luật tố tụng... Các văn bản liên quan đến

nghề và hành nghề luật cùng với các văn bản khác nằm trong hệ thống pháp luật luôn được sửa đổi, bổ sung phù hợp với sự phát triển chung của xã hội. Cho tới nay, hệ thống văn bản về nghề và hành nghề luật đã tương đối hoàn chỉnh, trong đó quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, điều kiện hành nghề, phạm vi hoạt động... của từng loại nghề luật cụ thể. Ví dụ: các Luật như Luật tổ chức TAND, Luật tổ chức VKSND...; các Pháp lệnh như Pháp lệnh về Thẩm phán và Hội thẩm TAND; Pháp lệnh Thi hành án dân sự, Pháp lệnh tổ chức Luật sư; các nghị định như Nghị định về công chứng... là các văn bản quy định về tổ chức và hành nghề luật.

Ở Việt Nam, theo cách hiểu ở nghĩa rộng, nghề luật bao gồm hoạt động xây dựng pháp luật; hoạt động thực hiện pháp luật; hoạt động kiểm tra và giám sát; nghề xét xử (thẩm phán); nghề luật sư, nghề công chứng (công chứng viên); hoạt động thi hành án... Với cách hiểu như trên, những người hành nghề luật được hiểu là những người mà hoạt động nghề nghiệp của họ liên quan nhiều đến pháp luật. Nếu hiểu theo nghĩa này, có thể nói ở nước ta, nghề luật đã được quan tâm từ rất sớm, phát triển đa dạng và phong phú.

Còn ở phạm vi hẹp, theo cách hiểu thông thường, nghề luật là bao gồm nghề xét xử (thẩm phán), nghề luật sư, nghề công chứng. Cũng ở nghĩa hẹp, theo quy định của các văn bản pháp luật hiện hành ở nước ta, có thể hiểu nghề luật là nghề của những người có hoạt động liên quan chặt chẽ với hoạt động tư pháp. Những người hành nghề luật hiểu ở nghĩa này bao gồm những người thuộc các chức danh tư pháp sau đây:

\* Thứ nhất, nhóm chức danh điều tra-truy tố- xét xử có :

- Thẩm phán;



- Kiểm sát viên;
- Thư kí toà án;
- Hội thẩm;
- Thẩm tra viên;
- Điều tra viên.

*\* Thứ hai, nhóm chức danh hỗ trợ tư pháp và hành chính tư pháp<sup>2</sup> có:*

- Luật sư;
- Tư vấn pháp luật;
- Bào chữa viên nhân dân;
- Chuyên viên trợ giúp pháp lí;
- Công chứng viên;
- Hộ tịch viên;
- Giám định viên tư pháp.

*\* Thứ ba, nhóm chức danh tư pháp khác (thuật ngữ này được hiểu theo nghĩa tương đối) có:*

- Chấp hành viên;
- Trọng tài viên.

Trong mỗi lĩnh vực hoạt động của nghề luật, người hành nghề đều phải am hiểu sâu pháp luật, có kỹ năng tác nghiệp trong lĩnh vực hoạt động của mình. Và như vậy những người hành nghề luật phải không ngừng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, cập nhật kiến thức, rèn luyện kỹ năng... mới có thể hoàn thành tốt công việc của mình đặc biệt là trong nền kinh tế thị trường đầy thách thức đối với công việc vinh quang mà họ đảm trách.

### **1.2 Đặc trưng của nghề luật**

Nghề luật không những là một nghề vinh quang mà còn là một nghề đầy thách thức. Những người hành nghề luật là những người không những chỉ cần có kiến thức sâu rộng về luật pháp, về các ngành khoa học khác mà còn phải có bản lĩnh vững vàng, lòng dũng cảm, tính trung thực, dám đấu tranh và đấu

tranh không khoan nhượng với những vi phạm pháp luật. Qua nghiên cứu thực tiễn hành nghề luật trong thời gian qua xin được nêu ra một số đặc trưng sau đây của nghề luật (theo nghĩa hẹp):

*Thứ nhất, nghề luật là nghề sáng tạo pháp luật, bảo vệ và thực thi pháp luật, duy trì và giữ gìn kỷ cương phép nước theo tinh thần độc lập và chỉ tuân theo pháp luật.*

Dù ở lĩnh vực nào thì hoạt động của những người hành nghề luật cũng là một hoạt động mang tính sáng tạo cao. Cần hiểu một cách biện chứng và khoa học rằng không phải chỉ có người xây dựng pháp luật mới sáng tạo pháp luật mà cả những người thi hành pháp luật hay áp dụng pháp luật cũng thực hành một lao động sáng tạo. Người thẩm phán khi xét xử một vụ án, người luật sư trong hoạt động tranh tụng tại phiên toà hay trong hoạt động tư vấn pháp luật, chấp hành viên khi thi hành bản án hoặc quyết định, công chứng viên thực hiện việc công chứng, điều tra viên hay kiểm sát viên khi thực hiện nhiệm vụ của mình đều thực hiện một lao động sáng tạo pháp luật. Từ xuất phát điểm này có thể nên nhìn nhận lại thẩm quyền giải thích luật như các quy định hiện nay. Chính các chức danh tư pháp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình cũng đồng thời thực hiện chức năng giải thích luật và phổ biến giáo dục pháp luật. Nghề luật không giống các nghề khác ở chỗ, nghề luật vừa sử dụng pháp luật như là một tổng hợp kiến thức nghề nghiệp vừa sử dụng pháp luật như là công cụ, phương tiện hành nghề. Người hành nghề luật là đưa pháp luật vào cuộc sống, là áp dụng và thực thi pháp luật để bảo vệ pháp luật và duy trì, giữ gìn kỷ cương phép nước trên cơ sở hoàn toàn độc lập và tuân theo pháp luật. Như vậy, đương nhiên pháp luật được xem là kim chỉ nam, là hướng đạo cho những người hành nghề, vừa

<sup>2</sup> Thuật ngữ hỗ trợ tư pháp và hành chính tư pháp chỉ hiểu theo nghĩa ngôn ngữ học, theo chúng tôi, không có khái niệm này trong luật học. Ở đây chỉ dùng để phân loại các chức danh tư pháp



được sử dụng làm căn cứ cho các hoạt động nghề nghiệp. Vì vậy, người hành nghề luật phải am hiểu pháp luật, coi pháp luật vừa là chuẩn mực vừa là nội dung, vừa là công cụ hoạt động nghề nghiệp của mình<sup>3</sup>.

*Thứ hai, nghề luật là nghề lao động trí óc độc lập và chịu trách nhiệm cá nhân cao*

Nghề luật là một nghề lao động trí óc độc lập và chịu trách nhiệm cá nhân cao. Dù ở vị trí nào thì hoạt động xây dựng pháp luật, hoạt động xét xử, bảo vệ pháp luật hoặc thi hành pháp luật cũng là một lao động trí tuệ. Hoạt động này thể hiện ở một quy trình rất chặt chẽ trong nghề nghiệp, đó là: hiểu và nắm vững pháp luật qua các văn bản để áp dụng trong trường hợp cụ thể, trên cơ sở pháp luật đưa ra các giải pháp thích hợp đối với từng vụ việc đó. Lao động trí óc một cách độc lập ở cường độ cao còn thể hiện ở chỗ hoạt động nghề luật không chỉ đơn thuần là hiểu và áp dụng đúng pháp luật mà còn biết thể hiện thành sản phẩm cuối cùng, các sản phẩm cuối cùng này là kết quả lao động trí tuệ sáng tạo của người hành nghề luật và phản ánh đúng tinh thần pháp luật và ý nguyện của xã hội. Các sản phẩm cuối cùng được thể hiện dưới dạng các bản án, quyết định hoặc các văn bản tố tụng khác. Các văn bản tố tụng này vừa phải tuân theo quy định khắt khe của pháp luật về mặt hình thức nhưng lại phản ánh trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của tác giả. Vai trò của tác giả phải thể hiện cả trong quá trình đưa văn bản tố tụng đó vào thực tiễn cuộc sống, tức là nó phải thi hành được. Hiệu lực thi hành hay tính khả thi của văn bản tố tụng phản ánh không những uy tín, trình độ của người soạn thảo ra nó mà còn uy tín của cả cơ quan nơi người đó hành nghề, nói rộng hơn là còn ảnh

hưởng đến uy tín của cả ngành. Thực tiễn hiện nay trong các văn bản tố tụng như quyết định, bản án... chỉ mới phản ánh được tên cơ quan nơi tác giả hành nghề, cùng lắm là phản ánh được tập thể đã làm việc trong trường hợp đó hoặc người có thẩm quyền ký văn bản đó, mà chưa phản ánh được ai là tác giả của văn bản quan trọng đó. Ở đây cần nghiên cứu để trong các trường hợp người ra bản án, quyết định, người soạn thảo ra nó... phải ghi rõ họ tên, ngày tháng soạn thảo để trên cơ sở đó trong trường hợp cần thiết xác định trách nhiệm cá nhân của từng người.

*Thứ ba, nghề luật là nghề mang tính nhân bản sâu sắc*

Mỗi một quyết định, một văn bản tố tụng trước hết là nhằm vào con người, một cách trực tiếp (phần lớn) hoặc một cách gián tiếp. Các quyết định này liên quan đến tính mạng, tài sản, danh dự, nhân phẩm, uy tín, liên hệ đến quá khứ, tương lai của một người, một tập thể hoặc một tổ chức... Bác Hồ nói: "Nghĩ cho cùng, vấn đề tư pháp cũng như mọi vấn đề khác trong lúc này là vấn đề ở đời và làm người"<sup>4</sup>. Vì vậy, nghề luật trước hết là một nghề vì con người, cho con người. Ngoài việc phải có chuyên môn giỏi, có trình độ nghiệp vụ vững vàng, người hành nghề luật cần phải có những hiểu biết sâu rộng về mặt xã hội, phải có phẩm chất trung thực và phải có tình người. Tình người là một khái niệm đạo đức xã hội nhưng cũng là một đức tính cần phải có của người hành nghề luật<sup>5</sup>. Nhà lập pháp đã cố gắng đưa sự nghiêm minh, tính công bằng vào trong các đạo luật. Nhưng thẩm phán khi quyết định hình phạt không thể có được một sự tính toán

<sup>3</sup> Xin xem thêm: Đặc san Nghề Luật (do Trường Đào tạo các chức danh tư pháp nay là Học viện Tư pháp ấn hành), số 1, tr. 31

<sup>4</sup> Hồ Chí Minh về Nhà nước và Pháp luật Việt Nam, NXB Pháp lý, H. 1990, tr.174

<sup>5</sup> Phan Hữu Thư, Văn hoá tư pháp và đạo đức người thẩm phán, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, Số 2, 1996, tr.3



chính xác về mặt lý trí cũng như về toán học. Trong trường hợp này sự công minh và tình người giúp thẩm phán hành động đúng<sup>6</sup>. Trong các lĩnh vực hành nghề luật khác cũng vậy, các hành vi của người hành nghề luật cần thiết phải xuất phát từ tính nhân bản của vấn đề.

*Thứ tư, nghề luật là nghề sử dụng kiến thức tổng hợp của nhiều khoa học khác nhau*

Nghề luật là một nghề sử dụng kiến thức tổng hợp của nhiều khoa học khác nhau. Người hành nghề phải thông hiểu pháp luật, nhưng không phải chỉ pháp luật, người hành nghề luật phải trau dồi kiến thức của nhiều ngành khoa học khác. Người hành nghề luật không những phải am hiểu khoa học nhận dạng, giám định, tâm lý học, tâm thần học, toán học, địa lý, tài chính, kế toán, xây dựng, môi trường, kiến trúc, khoa học xã hội và nhân văn mà còn phải biết về ngôn ngữ học, tu từ học. Người hành nghề luật vừa đồng thời là nhà hùng biện, là hoà giải viên, là người làm công tác quần chúng, là người biết điều khiển, là người có tài ứng đối vừa còn phải là một nhà báo, người nghệ sỹ... Ngoài ra, người hành nghề luật còn phải là người giao tiếp rộng rãi, hiểu biết xã hội, nhân tình thế thái, tình hình chính trị trong và ngoài nước, đặc điểm của địa phương, khu vực, chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước... Nói như vậy thì người hành nghề luật phải học đến bao giờ mới hết. Tuy nhiên, đó chỉ là những kiến thức mà người ta cần phải tích lũy được không những qua trường học mà cả qua trường đời, qua vốn sống, qua tự học và qua quá trình công tác ở một độ tuổi nhất định.

*Thứ năm, nghề luật là nghề đòi hỏi bản lĩnh kiên định, lòng dũng cảm, tính trung thực và đạo đức trong sáng*

Nghề luật luôn đối mặt trực diện với thực tiễn. Thực tiễn đó nhiều khi phũ phàng, khó khăn, thậm chí nguy hiểm. Nghề luật đòi hỏi phải quyết đoán, phải đưa ra được quyết định đúng đắn kể cả trong trường hợp gay go nhất. Nghề luật tiếp xúc với nhiều đối tượng khác nhau, cả những người lương thiện cả những phần tử phạm tội nghiêm trọng rất nguy hiểm. Nghề luật đối mặt với những cám dỗ đời thường nhiều khi rất hấp dẫn. Nghề luật nhiều khi còn đối mặt với những tình thế vô cùng khó xử khi liên hệ đến tình cảm trên, dưới, gia đình, bạn bè, đồng chí... Vì những lẽ đó, người hành nghề luật nếu không có bản lĩnh kiên định, lòng dũng cảm, tính trung thực và đạo đức trong sáng thì khó mà hoàn thành được nhiệm vụ được giao<sup>7</sup>.

*Thứ sáu, nghề luật là nghề đòi hỏi sử dụng nhiều kỹ năng nghề nghiệp thành thạo, chuẩn xác*

Như trên đã nêu, người hành nghề luật cần phải có kiến thức tổng hợp của nhiều ngành khoa học bên cạnh sự am hiểu sâu sắc pháp luật Việt Nam và quốc tế. Ngoài ra, người hành nghề luật còn phải sử dụng thành thạo các kỹ năng nghề nghiệp khi hành nghề. Các kỹ năng đó thông thường là kỹ năng soạn thảo văn bản, kỹ năng hùng biện, kỹ năng phân tích và tổng hợp pháp luật, kỹ năng viết bản án, quyết định, kỹ năng hoà giải thương lượng, kỹ năng viết bản luận cứ luật sư, kỹ năng tốc ký, kỹ năng đọc và hiểu đúng các loại quyết định giám định, kỹ năng xét xử, kỹ năng tư vấn, kỹ năng tranh tụng, kỹ năng nghiên cứu hồ sơ...

Nghề luật là một nghề vinh quang nhưng đòi hỏi người hành nghề luật nhiều yếu tố đặc trưng mà họ phải cố gắng học hỏi, rèn luyện, tu dưỡng rất nhiều thì mới đáp ứng được yêu cầu và nhiệm vụ mới. Mong rằng

<sup>6</sup> Phan Hữu Thư, tài liệu đã dẫn, tr.2

<sup>7</sup> Phan Hữu Thư, tài liệu đã dẫn, trang 3



đội ngũ các chức danh tư pháp-những người đang hành nghề luật với những nỗ lực to lớn của mình sẽ càng ngày càng làm rạng danh một nghề vô cùng cao quý nhưng cũng còn nhiều “tai tiếng” như nghề luật.

## 2. ĐẠO ĐỨC CỦA NGƯỜI HÀNH NGHỀ LUẬT

### 2.1 Các yếu tố cấu thành đạo đức của người hành nghề luật

Mỗi một xã hội có quan niệm của mình về đạo đức. Đạo đức vừa mang tính xã hội vừa mang tính giai cấp sâu sắc. Bên cạnh đó, đạo đức còn bị chi phối bởi tính dân tộc, tính truyền thống và tính lịch sử.

Trong xã hội hiện đại, quan niệm về đạo đức đã được nâng lên một tầm cao mới phù hợp với nền văn hoá hiện đại. Bên cạnh quan niệm về đạo đức xã hội còn xuất hiện quan niệm về đạo đức nghề nghiệp. Đạo đức nghề nghiệp là đạo đức được hình thành trên cơ sở hoạt động nghề nghiệp của một nhóm người, một tổ chức người nhất định. Đạo đức nghề nghiệp trước hết phải mang đầy đủ các yếu tố của đạo đức xã hội, không được trái với đạo đức xã hội. Bên cạnh đó, đạo đức nghề nghiệp còn có các đặc trưng riêng của mình, do các đặc trưng của nghề chi phối. Đạo đức nghề luật là một loại hình đạo đức nghề nghiệp được hình thành và phát triển gắn liền với hoạt động nghề nghiệp của người hành nghề luật, như thẩm phán, luật sư, công chứng viên, chấp hành viên... Nghề luật là một nghề mang tính đặc thù và đặc biệt, mỗi một quyết định, hành vi của người hành nghề luật có thể liên hệ đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và tài sản của cá nhân, tổ chức trong xã hội. Nghề luật là một nghề cao quý, vì vậy việc lựa chọn những công dân có đầy đủ các phẩm chất và điều kiện cần thiết, trong đó có điều kiện về đạo đức để được hành nghề luật là một điều hết sức quan trọng. Đạo đức nghề nghiệp của người

hành nghề luật được hình thành trong quá trình hoạt động nghề nghiệp của người hành nghề luật là chủ yếu, tuy vậy đạo đức nghề luật cũng có thể được hình thành và phát triển thông qua quá trình bồi dưỡng và rèn luyện tại các cơ sở đào tạo.

Đạo đức xã hội là những quan niệm nhằm hướng tới chân, thiện, mỹ. Đạo đức nghề luật cũng không nằm ngoài quan niệm đó. Đạo đức nghề luật là tổng hợp những yếu tố giúp người hành nghề luật trong hoạt động nghề nghiệp của mình xác định được chân, thiện, mỹ để bảo vệ trật tự pháp luật, trật tự xã hội. Như vậy, thông qua hoạt động nghề nghiệp của mình, bằng các tác nghiệp, người hành nghề luật hướng tới cái thiện, cái đúng, cái đẹp, sự công bằng để phán quyết. Phán quyết của người hành nghề luật trước hết phải phù hợp với pháp luật, mang tính khả thi cao, phù hợp với cái chân, thiện, mỹ chung của toàn xã hội mà trong đó người hành nghề luật là một thành viên.

#### 2.1.1 Người hành nghề luật có đạo đức nghề nghiệp là người có trình độ chuyên môn và nghiệp vụ cao.

Theo tôi, không có gì lạ khi nói rằng việc bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp của người hành nghề luật phải được bắt đầu từ việc bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ. Bác Hồ nói: “Có tài mà không có đức là vô dụng, có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó”. Tuy vậy, tài và đức là hai tố chất của đạo đức nghề nghiệp. Có nghĩa là khi nói đến đạo đức nghề nghiệp thì yếu tố tài và đức gắn liền với nhau, tạo thành mối liên kết không thể tách rời để hình thành đạo đức nghề nghiệp. Không thể nói một người hành nghề luật có đạo đức nghề nghiệp cao nếu như do trình độ chuyên môn và nghiệp vụ non kém đã dẫn đến việc ra một bản án hay một quyết định không khách quan, gây thiệt hại đến tính mạng hoặc sức khỏe của cá nhân



trong xã hội. Vì vậy, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người hành nghề luật được coi là tố chất đầu tiên tạo nên đạo đức nghề nghiệp của người hành nghề luật. Người xưa quan niệm rằng người tài thường hay có tật, có nghĩa là người tài thường bướng bỉnh, khó bảo và có những cá tính gây khó chịu cho người khác. Vì vậy, người xưa quan niệm một người có đạo đức tốt thường là một người hiền lành, dễ chịu, nết na... Theo tôi, cần quan niệm về người hiền là người vừa tài giỏi, vừa là người đức độ chứ không thể chỉ là người có tính khí hiền lành. Do vậy, đối với đạo đức nghề nghiệp, nhất là đối với đạo đức nghề luật ngoài các tố chất khác không thể không kể đến “tài”, tức trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao.

*2.1.2 Yếu tố thứ hai để tạo nên đạo đức của người hành nghề luật hiện đại là bản lĩnh nghề nghiệp.*

Bản lĩnh là sự kiên định, là sự quyết đoán. Bản lĩnh còn là khả năng hướng tới cái đúng, cái công bằng và cái hoàn thiện. Bản lĩnh nghề nghiệp của người hành nghề luật là một tố chất không thể thiếu trong suốt quá trình hoạt động nghề nghiệp của mình. Do điều kiện hoạt động nghề nghiệp của người hành nghề luật gắn liền với tính độc lập, tính tự quyết, khả năng phán quyết mọi vấn đề trên cơ sở phân tích pháp luật và niềm tin nội tâm. Bản lĩnh nghề nghiệp của người hành nghề luật được hình thành, xây dựng, củng cố và phát triển trên cơ sở của tính tự tin, thái độ cương quyết, tinh thần độc lập và thái độ khách quan, tôn trọng sự công bằng, không thiên lệch, vô tư, trong sáng, không bị chi phối bởi những suy nghĩ lệch lạc hoặc những tác động bên ngoài mang tính chất vụ lợi cá nhân. Như vậy, bản lĩnh cũng phải được hình thành và phát triển trên cơ sở một sự hiểu biết sâu sắc về công việc của mình đang làm. Bản lĩnh sẽ không có đất tồn tại và

phát triển nếu như người hành nghề luật không chú trọng bồi dưỡng và tự bồi dưỡng để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Một người hành nghề luật không thể độc lập khi xét xử hoặc tự tin khi ra quyết định nếu như người hành nghề luật đó quá yếu về chuyên môn nghiệp vụ. Trong trường hợp ấy việc ra bản án hoặc quyết định đồng nghĩa với sự bảo thủ hơn là tính bản lĩnh.

*2.1.3 Yếu tố quan trọng thứ ba để tạo nên đạo đức nghề nghiệp của người hành nghề luật là tinh thần có trách nhiệm trong hoạt động nghề nghiệp của mình*

Trách nhiệm hay nghĩa vụ là một khái niệm mang màu sắc pháp lý, tuy vậy lại là một tố chất của đạo đức nghề nghiệp. Nếu ở phương diện luật học người ta nói nghĩa vụ đi đôi với quyền thì ở phương diện đạo đức, người ta đề cao tinh thần trách nhiệm mà không gắn với quyền lợi. Như vậy, trách nhiệm của người hành nghề luật được hiểu là thái độ tự tin vào công việc hàng ngày của mình và ý thức bảo đảm cho những gì mình thực hiện là đúng đắn. Nói một người hành nghề luật có trách nhiệm có nghĩa là người hành nghề luật đó ý thức được công việc mình làm, dám chịu trách nhiệm về các hành vi của mình và điều quan trọng là tự giác thực hiện các công việc được giao theo đúng lương tâm. Nếu một người hành nghề luật có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, có bản lĩnh nghề nghiệp vững vàng nhưng thiếu tinh thần trách nhiệm thì không thể nói đó là một người hành nghề luật có đạo đức nghề nghiệp. Trách nhiệm nghề nghiệp của người hành nghề luật thể hiện sự tận tụy trong công việc, sự chu đáo, cẩn trọng khi thực hiện các hành vi tố tụng. Người hành nghề luật có trách nhiệm là người ý thức được rằng hành vi của mình không phải chỉ liên quan đến một người, một tổ chức trong xã hội mà có



thể còn liên quan đến nhiều người, nhiều gia đình, nhiều tổ chức trong xã hội. Chỉ vì một chút thiếu tinh thần trách nhiệm trong điều tra, xác minh thu thập chứng cứ, xét xử, ra bản án hoặc quyết định, thi hành bản án hoặc quyết định đó thì cũng có thể gây ra những hậu quả không lường trước được. Vì vậy, rèn luyện đạo đức nghề luật trước hết chính là một quá trình bồi dưỡng và tự bồi dưỡng để nâng cao tinh thần trách nhiệm, ý thức được công việc mình làm để có thái độ công bằng trong việc ra các phán quyết.

*2.1.4 Yếu tố thứ tư tạo nên đạo đức nghề nghiệp của người hành nghề luật là những phẩm chất đạo đức cần có theo nghĩa xã hội thông thường đối với một công dân trong xã hội*

Như trên đã nêu, người hành nghề luật trước hết là một con người, một công dân. Vì vậy, người hành nghề luật phải mang trong mình những phẩm chất tốt đẹp về mặt đạo đức như những người công dân bình thường khác trong xã hội. Không thể nói một người hành nghề luật có đạo đức nghề nghiệp cao ngay cả khi người đó có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, có bản lĩnh nghề nghiệp và có trách nhiệm đối với công việc của mình nhưng lại thiếu những phẩm chất tốt đẹp của một người công dân bình thường. Người hành nghề luật cần có một lối sống lành mạnh, suy nghĩ trong sáng, thái độ thân thiện với tất cả mọi thành viên trong cộng đồng xã hội, công việc và cuộc sống. Những phẩm chất đó có thể là tính trung thực, lòng dũng cảm, tính công bằng, khách quan và tính nhân bản...

## **2.2 Bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp cho người hành nghề luật**

Có người cho rằng đạo đức là một khái niệm trừu tượng. Vì vậy đạo đức nghề nghiệp cũng là một khái niệm trừu tượng. Hiểu như thế tuy đúng nhưng chưa đủ, bên

cạnh những khái niệm trừu tượng của đạo đức còn có những khái niệm không trừu tượng. Như trên đã nêu, khi nói đến các tố chất tạo thành đạo đức nghề nghiệp của người hành nghề luật, chúng tôi đã đề cập đến trình độ chuyên môn nghiệp vụ của người đó, bản lĩnh nghề nghiệp và trách nhiệm của họ đối với công việc được giao và cuối cùng là những phẩm chất tốt đẹp tạo nên đạo đức nói chung ở những công dân bình thường trong xã hội. Vì vậy, việc bồi dưỡng và rèn luyện đạo đức nghề luật có thể được thực hiện thông qua một số quá trình sau đây:

### *2.2.1 Bồi dưỡng và rèn luyện đạo đức nghề luật tại các cơ sở đào tạo nghề luật*

Quá trình đào tạo nghề nghiệp của người hành nghề luật trong đó chú trọng rèn luyện các kỹ năng hành nghề của người hành nghề luật, trang bị cho họ những kiến thức chuyên môn cần thiết, cập nhật những thông tin mới về luật thực định, rèn luyện các kỹ năng nghiệp vụ để sau khi ra trường họ có thể tác nghiệp một cách thành thạo, độc lập và tự tin. Bản thân quá trình đào tạo nghề nghiệp đó đối với người hành nghề luật đã là một quá trình bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp cho họ. Điều này có thể được lý giải rằng quá trình bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho người hành nghề luật đã tạo cho họ tính tự tin, tinh thần trách nhiệm, ý thức tôn trọng nghề nghiệp mà mình đã chọn trên cơ sở đó hình thành bản lĩnh của người hành nghề luật. Tất nhiên, trong quá trình đào tạo nghề nghiệp cũng cần bố trí những bài giảng về đạo đức. Những bài giảng này một mặt giúp người hành nghề luật có những hiểu đúng, nhận thức đúng về những phẩm chất tốt đẹp mà người hành nghề luật cần phải có, ví dụ như tính trung thực, lòng dũng cảm, tính tự tin, thái độ công bằng, tính nhân bản... Quá trình đào tạo nghề nghiệp, thông qua việc



giải quyết các tình huống thực tế giúp người hành nghề luật tương lai nhìn nhận đúng đắn và tiếp cận với những tình tiết thực tế của đời sống xã hội trên cơ sở đó giúp họ có thái độ tôn trọng pháp luật, trách nhiệm đối với tính mạng, tài sản, sức khỏe của mọi cá nhân và tổ chức trong xã hội. Quá trình đào tạo nghề nghiệp tại cơ sở đào tạo, thông qua chương trình thực tập và kiến tập tại các cơ quan tư pháp, toà án, thi hành án... giúp cho người hành nghề luật tương lai có điều kiện tiếp xúc với hoạt động thực tế và những người hành nghề luật thực thụ, trên cơ sở đó giúp người hành nghề luật tương lai nhìn nhận được những phẩm chất đích thực của người hành nghề luật. Quá trình rèn luyện và bồi dưỡng tại các cơ sở đào tạo cũng giúp người hành nghề luật tương lai có thời gian vật chất cần thiết để nhìn nhận lại mình thông qua sự giao tiếp đối với các thầy cô giáo và các đồng nghiệp khác.

### 2.2.2 *Quá trình tự rèn luyện và bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp của người hành nghề luật*

Việc bồi dưỡng và rèn luyện tại các cơ sở đào tạo nghề luật nhằm giúp các học viên hình thành những tố chất của đạo đức nghề luật là điều hết sức quan trọng, tuy vậy để hình thành được những phẩm chất tốt đẹp của người hành nghề luật đòi hỏi một quá trình lâu dài và bền bỉ, trong đó yếu tố tự rèn luyện và tự bồi dưỡng là không thể thiếu được.

Quá trình tự rèn luyện và tự bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp của người hành nghề luật đã hình thành khi họ lần đầu tiên tiếp xúc với hoạt động nghiệp vụ của người hành nghề luật. Quá trình tự rèn luyện và tự bồi dưỡng này phát triển mạnh mẽ khi các học viên được đào tạo tại các cơ sở đào tạo. Quá trình này còn được tiếp diễn, không ngừng

phát triển và hoàn thiện khi họ đã trở thành những người hành nghề luật thực thụ. Thông qua thực tiễn của chính bản thân họ, thông qua mối giao tiếp nghề nghiệp với các đồng nghiệp và các đương sự cũng như bị can, bị cáo giúp người hành nghề luật thực thụ có nhiều cơ hội để nhìn nhận lại chính mình. Đó chính là quá trình đấu tranh và tự đấu tranh để loại bỏ những cái xấu, xây dựng, phát triển và hoàn thiện những phẩm chất tốt đẹp. Tất nhiên, quá trình tự rèn luyện và tự bồi dưỡng chỉ có hiệu quả nếu cá nhân người hành nghề luật có tinh thần tự giác cao đồng thời cần phải có sự hỗ trợ và giúp đỡ của cơ quan và các đồng nghiệp. Do đó, ngoài quá trình bồi dưỡng và tự bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp cần phải kể đến quá trình rèn luyện và bồi dưỡng đạo đức nghề luật tại đơn vị công tác của họ.

### 2.2.3 *Quá trình rèn luyện, bồi dưỡng đạo đức nghề luật thông qua hoạt động nghiệp vụ của người hành nghề luật*

Như trên đã nêu, trong quá trình hành nghề, người hành nghề luật thông qua hoạt động chuyên môn nghiệp vụ của mình có thể tự rèn luyện, tự bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp cho mình. Tuy vậy, để đạt hiệu quả cao cần có sự định hướng của lãnh đạo cơ quan, đơn vị nơi người hành nghề luật công tác. Để rèn luyện, bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp cho họ tại cơ quan, đơn vị, cần thường xuyên tổ chức các buổi sinh hoạt chính trị, các buổi học tập rút kinh nghiệm công tác, học gương người tốt, việc tốt. Lãnh đạo cơ quan cũng cần thường xuyên biểu dương và khen thưởng kịp thời những người có thành tích xuất sắc trong hoạt động xét xử, đồng thời phê phán và có biện pháp xử lý, tác động đối với những người có hành vi sai trái làm tổn hại đến đạo đức của người hành nghề luật.